

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2020
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;
2. Ông Đặng Văn Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 947/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 4, ấp A, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (Có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 3, ấp H 2, xã T, huyện M, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình làm việc nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng G do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình nên thường cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều đến tháng 01/2016 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống, vợ chồng không tới lui thăm nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị

yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 04/02/2012 (hiện do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T có yêu cầu vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh G vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoàng G kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 30/8/2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông G. Xét thấy, trong thời gian bà T gửi đơn khởi kiện ly hôn, ông G biết nhưng không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và bà T xác định không còn tình cảm với ông G, mục đích hôn nhân không đạt nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông G. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 04/02/2012, hiện do ông G chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu V sống chung với ông G vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu V cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng. Riêng cháu V, Tòa án đã tiến hành đến địa phương ghi nhận ý kiến nhưng cháu không có mặt tại địa phương. Hiện, cháu V đang sống chung với ông G, bà T đồng ý để ông G chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V nên tiếp tục giao cháu V cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T đối với ông Nguyễn Hoàng G.

- Ông Nguyễn Hoàng G được nuôi con tên Nguyễn Ngọc V, bà Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G, bị đơn có nơi cư trú ấp H 2, xã T, huyện M, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G. Chị T và anh G có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đến tháng 01/2016, thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc chị T yêu cầu ly hôn và triệu tập anh G tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh G vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ tháng 01/2016 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, chị T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 04/02/2012 (hiện do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu V do anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết anh G cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị T. Bên cạnh đó, Tòa án triệu tập anh G khi đến Tòa án dẫn cháu V đi cùng để Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu, nhưng anh Nam và cháu V vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương thì cháu không có ở nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu. Do đó, để anh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh G không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Hoàng G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 30 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An G cấp cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng G không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Hoàng G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 04/02/2012 (hiện do anh G chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hoàng G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trần Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Trần Thị T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ

chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Trần Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0007785 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 30/12/2019. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An G;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

